

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ. H
TỈNH K. T**

Bản án số: 04/2020/DS-ST.

Ngày: 29/5/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK HÀ, TỈNH KON TUM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Quách Văn N.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Đình Q.

2. Bà Phạm Thị Gi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoài L – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ. H.

Ngày 29 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ. H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 42/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 3 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST - DS ngày 18 tháng 5 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Đặng Thị D

Địa chỉ: 152 Hùng Vương, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Người được ủy quyền: Bà Đặng Thị Kim V. Có mặt

(Giấy ủy quyền số chứng thực 350 quyền số: 01/2020 –SCT/CK,ĐC ngày 21/5/2020)

Địa chỉ: Thôn 5, xã Hà M, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H. (Đều có mặt).

Địa chỉ: Cùng trú tại: Tổ dân phố 4A, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02/3/2020 của bà Đặng Thị D trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người được ủy quyền – bà Đặng Thị Kim V trình bày:

Từ năm 2018 và năm 2019 ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H có mua nợ phân bón của tôi là 333.087.000 đồng (Ba trăm ba mươi ba triệu, không trăm tám mươi bảy ngàn đồng). Cụ thể, năm 2018 nợ 304.417.000 đồng (Ba trăm lẻ bốn

triệu, bốn trăm mười bảy ngàn đồng), năm 2019 nợ 28.670.000 đồng (Hai mươi tám triệu, sáu trăm bảy mươi ngàn đồng). Đầu năm 2018, sau khi chốt nợ, ông T và bà H có hứa sẽ trả hết nợ cho tôi vào ngày 31/10/2018. Tuy nhiên, tôi nhắc nợ nhiều lần nhưng ông T và bà H vẫn không chịu trả nợ. Đến ngày 20/01/2020 ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H đã trả cho tôi 46.629.000 đồng (Bốn mươi sáu triệu, sáu trăm hai mươi chín ngàn đồng), còn nợ lại cả gốc lẫn lãi 321.715.306 đồng (Ba trăm hai mươi một triệu, bảy trăm mười lăm ngàn, ba trăm lẻ sáu đồng). Tính đến ngày 29/5/2020 số tiền ông T và bà H phải trả cho tôi là số tiền 327.708.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn đồng). Trong đó số tiền nợ gốc là 286.458.000 đồng, tiền lãi chậm trả tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày 29/5/2020 còn nợ lại là 41.250.000 đồng, và tôi yêu cầu tiếp tục tính lãi đến khi trả xong khoản nợ.

Tại phiên tòa hôm nay tôi không thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc ông T và bà H trả cho tôi tiền gốc và lãi trên nợ gốc theo quy định của pháp luật.

Tại bản tự khai đề ngày 24/3/2020 và trong quá trình giải quyết bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H trình bày:

Chúng tôi thừa nhận đầu tháng 11/2018 đến ngày 16/6/2019 vợ chồng tôi có nợ tiền của bà Đặng Thị D ở số 152 Hùng Vương, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T do mua phân bón nhưng chưa trả tiền. Chúng tôi thừa nhận đến ngày 29/5/2020 còn nợ bà D số tiền 327.708.000 đồng (Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn đồng). Tuy nhiên, do hiện nay làm ăn kinh tế gặp khó khăn, cà phê mất giá nên chúng tôi chưa thể trả hết số tiền nợ trên. Chúng tôi xin trả dần trong vòng 04 năm, mỗi năm 90.000.000 đồng (Chín mươi triệu đồng) cho đến khi trả hết nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng và áp dụng luật:

Xét thấy việc bà Đặng Thị D khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H trả nợ tiền mua phân bón được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H cư trú tại Tổ dân phố 4A, thị trấn Đ. H, huyện Đ. H, tỉnh K. T. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị D là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ. H, tỉnh K. T.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa có đủ cơ sở để kết luận: Giữa bà Đặng Thị D và ông Nguyễn Văn T, bà Hồ Thị H quan hệ làm ăn, mua bán phân bón nợ với nhau. Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H mua nợ phân bón cả phê của bà Đặng Thị D số tiền 327.708.000 đồng (*Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn đồng*) thể hiện qua giấy nợ đề từ ngày 19/01/2017 đến ngày 20/01/2020. Tuy nhiên, ông T và bà H đã đến chốt nợ vào đầu năm 2018 và hứa đến cuối tháng 10/2018 sẽ trả hết nợ. Khi chốt nợ hai bên có điều xác nhận ký tên. Xét thấy hợp đồng mua bán hàng hóa được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không trái với đạo đức, xã hội. Tuy nhiên, ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H từ tháng 11 năm 2018 đến nay ông T và bà H chỉ mới trả được 46.629.000 đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên mua quy định tại khoản 1 Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015.

Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn bà Đặng Thị D là có cơ sở pháp lý vì vậy hội đồng xét xử căn cứ Điều 430, Điều 440 Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn Hội đồng xét xử xét thấy: Theo khoản 3 Điều 440 Bộ luật dân sự 2015 quy định “*Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này*”. Do đó, việc các bên đương sự thỏa thuận về việc trả lãi chậm trả 0.8%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật nên yêu cầu tính lãi của nguyên đơn là có căn cứ nên được chấp nhận. Số tiền lãi cụ thể như sau:

- Số tiền lãi trên số tiền nợ gốc 286.458.000 đồng, tính từ ngày chậm trả ngày **01/11/2018** đến ngày **29/5/2020** là: 286.458.000 đồng x 0.8% x 18 tháng = 41.250.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền mà ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H phải trả cho bà Đặng Thị D là 327.708.000 đồng (*Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn đồng*). Trong đó tiền gốc 286.458.000 đồng và tiền lãi 41.250.000 đồng.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị D được chấp nhận nên bị đơn ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Đặng Thị D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Áp dụng Điều 280; Điều 357; Điều 430; Điều 440; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Đặng Thị D đề ngày 02/3/2020.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H phải trả cho bà Đặng Thị D số tiền 286.458.000 đồng (*Hai trăm tám mươi sáu triệu, bốn trăm năm mươi tám ngàn*

đồng) và tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày 01/11/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm (29/5/2020) là $286.458.000 \times 0.8\%/\text{tháng} \times 18 \text{ tháng} = 41.250.000$ đồng (Bốn mươi một triệu, hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Tổng cộng số tiền ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H phải trả cho bà Đặng Thị D là: **286.458.000 đồng + 41.250.000 đồng = 327.708.000 đồng** (Ba trăm hai mươi bảy triệu, bảy trăm lẻ tám ngàn đồng).

Áp dụng Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và bà Đặng Thị D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H chậm trả số tiền nêu trên thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ Điều 144, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Điều 6, 18, 19, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Văn T và bà Hồ Thị H phải chịu 16.385.397 đồng (Mười sáu triệu, ba trăm tám mươi lăm ngàn, ba trăm chín mươi bảy đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà Đặng Thị D 8.133.000 đồng (Tám triệu một trăm ba mươi ba ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000754 ngày 16/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. H, tỉnh K. T.

Căn cứ vào Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (29/5/2020), các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo khoản 2 Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh K.T;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

VKSND huyện Đ. H;

- Chi cục THA H. Đ. H;

- Các đương sự;

- Lưu hồ sơ.

